TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 126/2023/HS-ST
Ngày 21/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Sử.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Đức Minh R, sinh năm 1988 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đức Minh R2, sinh năm 1963 và bà Đào Thị T1, sinh năm 1964; có vợ là Lưu Thị T2, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, 02 con còn lại sinh đôi năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày ngày 28/9/2023 đến 04/10/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa)*.

**** Bị hại*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Thôn N, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Giám đốc *(có mặt tại phiên tòa)*.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Mai Chí T3, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ3, xã Đ4, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt)*.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Hoành Từ, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt)*.

**** Người làm chứng:***

- Anh Trần Đình T4, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 1, Đ0, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định *(có mặt tại phiên tòa)*.

- Anh Trần Đình P1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà 06/20/55, tổ 1, Đ0, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đức Minh R là công nhân tại kho xạ đế của Công ty trách nhiệm hữu hạn P, địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình từ ngày 01/7/2020. Công việc phải làm theo hợp đồng là xạ đế và theo sự điều động của người quản lý. Trong quá trình làm việc, R thấy việc quản lý tài sản của công ty P còn sơ hở nên đã nảy sinh ý định trộm cắp đế giày và giày bị lỗi của công ty mang ra ngoài bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định đó, từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, R đã lén lút lấy được 176 chiếc đế giầy các loại để trong 02 thùng cattong dán kín và cất giấu tại kho nơi Ruyến làm việc. Đồng thời, do có quen biết với Mai Chí T3 làm tổ trưởng dây chuyền thành hình A và Nguyễn Văn N làm tổ trưởng dây chuyền D. Khoảng tháng 7/2023, khi T3 và N xuống kho lấy đế giày, R bảo T3 và N lấy cho R 1 số đôi giày bị lỗi để R sử dụng đi lại trong công ty, nhưng thực chất mục đích của R là xin để thu gom lại cất giấu chờ thời cơ mang ra ngoài bán, nhưng không nói cho T3 và N biết. Do nể nang và thấy trong chuyền của mình có nhiều đôi giày bị lỗi loại ra hằng ngày để tiêu hủy nên T và N đồng ý lấy giày cho R. Khoảng cuối tháng 7/2023, N lấy 06 đôi giày khác nhau bị lỗi tại dây chuyền của mình bỏ vào thùng cattong mang xuống kho xạ đế cho R, sau đó khoảng 4 đến 5 ngày sau N lại lấy 06 đôi giày bị lỗi nữa tại chuyền của mình cho R vì R bảo các đôi giày trước N cho không đi được. Còn T3 sau khi được R hỏi xin giày bị lỗi do cả nể nên vào khoảng tháng 8/2023, T3 lấy 04 đôi giày lỗi tại chuyền của mình mang xuống kho xạ đế cho R. Toàn bộ số giày trên R cho vào một thùng cattong dán kín và cất giấu tại kho nơi R làm việc cùng số đế giày trước đó R trộm cắp được để trong 02 thùng cattong. Ngày 27/9/2023, trong khi xuất hàng ở kho xạ đế để vận chuyển sang Công ty trách nhiệm hữu hạn thể thao G Việt Nam, có địa chỉ tại xã H, huyện V, tỉnh Nam Định, R nhờ Trần Đình T4 và Trần Đình P1 là lái xe và phụ xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải K, địa chỉ tại xã P0, huyện N, tỉnh Nam Định đến để vận chuyển hàng chở số giày và đế giày trên ra ngoài giúp, do Ruyến là chỗ quen biết thường xuyên tiếp xúc khi T4 và P đến giao nhận hàng nên T4 và P1 đồng ý chở hộ R 03 thùng hàng trên ra ngoài và không hỏi nguồn gốc số hàng trên mà chỉ hỏi giao cho ai, R bảo chở ra qua cầu B, xã Đông Xá có người ra nhận nên T4 và P1 đồng ý chở giúp R 3 thùng hàng trên ra ngoài. Khoảng 17 cùng ngày, T4 điều khiển xe ôtô cùng P1 chở hàng ra cổng để làm thủ tục đi về thì bị ông Nguyễn Văn L là Giám đốc Công ty P cùng bảo vệ công ty phát hiện yêu cầu T4 dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, ông L phát hiện trong xe có 03 thùng

hàng không không nằm trong danh mục hàng hóa được xuất ra ngoài của công ty, đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng để giải quyết. Ngày 28/9/2023 Đức Minh R đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng, kết luận: 16 đôi giày thể thao các loại của công ty TNHH P có tổng trị giá 300.000 đồng/đôi = (16 đôi x 300.000 đồng) = 4.800.000 đồng; 176 chiếc đế giày của công ty Phúc Mậu có trị giá là 2.376.000 đồng. Tổng trị giá là 7.176.000 đồng *(Bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).*

- Tại phiên tòa:

+ Bị cáo Đức Minh R thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo xin lỗi lãnh đạo Công ty P về hành vi bột phát của bị cáo đối với Công ty và bị cáo xin lỗi anh T3, anh N, anh T4 và anh P1 chỉ vì cả nể bị cáo mà làm các anh bị liên lụy.

+ Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P, ông Nguyễn Văn L khai: Công ty của ông mất 16 đôi giày bị lỗi và 176 đế giày đã được ông phát hiện thu giữ. Nay Công ty P không có yêu cầu gì đối với bị cáo R.

+ Người làm chứng, anh Trần Đình T4 và anh Trần Đình P1 đều khai: Chiều ngày 27/9/2023 anh T4 điều khiển xe ô tô tải cùng anh P1 sang Công ty P để giao nhận hàng, trong khi xếp hàng lên xe thì R mang 03 thùng hàng ra bảo anh Tuấn và anh Phúc *"Em có mấy thùng hàng là giày và đế phế, anh chở ra ngoài giúp em"*. Anh T4 hỏi *"Thế có giấy ra cổng không"*, Ruyến bảo *"Có mấy thùng hàng không ai để ý đâu, tý anh cứ để chung với hàng cho ra ngoài là được, em đưa giấy ra cổng cho"*, anh T4 hỏi tiếp *"Thế cái hàng này giao cho ai"*, R bảo *"Cứ mang qua cầu B là có người ra nhận"*. Do nể nang nên anh T4 và anh P1 đồng ý xếp 03 thùng hàng của R gửi lên xe và sau khi lấy xong hàng anh Tuấn điều khiển xe ra cổng để làm thủ tục đi về thì bị Giám đốc và bảo vệ Công ty phát hiện trình báo Công an đến giải quyết. Anh T4 và anh P1 không biết 03 thùng cattong đựng giày và đế giày trên là R trộm cắp trong Công ty nhờ chở ra ngoài.

- Tại cơ quan điều tra; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Chí T3 và anh Nguyễn Văn N đều khai: Do thường xuyên xuống kho xạ đế của Công ty P để lấy đế giày lên tổ chuyền nên các anh quen biết R, khi thấy R hỏi xin giày bị lỗi loại ra trong quá trình sản xuất để đi lại trong Công ty, do nể nang nên anh T3 và anh N đã đồng ý nhiều lần lấy tổng số 16 đôi giày bị loại mang cho Ruyến chọn lấy đôi nào vừa để đi. Anh T3 và anh N không biết R xin giày về cất giấu để mang ra ngoài bán

Bản cáo trạng số 127/CT-VKSĐH ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Đức Minh Ruyến về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Ruyến theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Ruyến cho UBND xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo R sẽ phải chịu hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự nếu trong thời gian thử thách bị cáo R cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo R phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo R.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo R phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo R vì bị cáo R đã biết ăn năn hối cải và có hoàn cảnh kinh tế gia dình khó khăn.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với đơn trình báo, lời khai của ông Nguyễn Văn L– Giám đốc Công ty TNHH Phúc Mậu; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí T3 và anh Nguyễn Văn N; lời khai của người làm chứng là anh Trần Đình T4 và anh Trần Đình P1; Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đức Minh R là Công nhân xạ đế giày của Công ty TNHH P và là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Trong quá trình làm việc, R thấy việc quản lý tài sản của công ty P còn sơ hở nên đã nảy sinh ý định trộm cắp đế giày và giày bị lỗi của Công ty mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 17 giờ ngày 27/9/2023, Ruyến lén lút chiếm đoạt của Công ty TNHH P ở thôn N, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình 176 chiếc đế giày và 16 đôi giày (giày bị lỗi), sau đó Ruyến trà trộn số tài sản trên vào số hàng hóa xuất kho của Công ty P nhờ người mang ra ngoài để tiêu thụ thì bị Công ty P phát hiện thu giữ vật chứng. Tổng trị giá tài sản R chiếm đoạt của Công ty Phúc Mậu là 7.176.000 đồng. Hành vi của R đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH P được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình. Hậu quả mà bị cáo gây ra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s). Bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Người phạm tội ra đầu thú; tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Do bị cáo hiện tại không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH P đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về các tình tiết có liên quan trong vụ án:

- Hành vi của anh Mai Chí T3 và anh Nguyễn Văn N, do nể nang và thấy R bảo xin giày để đi lại trong Công ty nên đã nhiều lần lấy tổng số 16 đôi giày cho R; anh T3 và anh N không biết R lấy giày cất giấu mang ra ngoài bán nên anh T3 và anh N không đồng phạm với Ruyến về tội trộm cắp tài sản. Hành vi của anh T3 và anh N nhiều lần lấy trộm giày bị lỗi của Công ty P cho R, do các lần chưa đủ trị giá tài sản trộm cắp và anh T3, anh N chưa bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa bị kết án về một trong các tội chiếm đoạt tài sản được quy định trong Bộ luật Hình sự nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh T3 và anh N. Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T3 và anh N là đúng pháp luật.

- Hành vi của anh Trần Đình T4 và anh Trần Đình P1 được R nhờ chở 03 thùng cattong bên trong đựng giày và đế giày ra ngoài. Anh T4 và anh P1 không biết số đế giày và giày này do R trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý về hình sự đối với anh T4 và anh P1.

- Do bị cáo Đức Minh R có hợp đồng làm Công nhân tại kho xạ đế, công việc của R làm theo sự chỉ đạo của người quản lý và thủ kho, R không được giao nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty, nên R chỉ phạm tội "Trộm cắp tài sản", không phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; đại diện theo pháp luật của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đức Minh R phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đức Minh R 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đức Minh R cho UBND xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Đức Minh R phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND H.Đông Hưng;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS H.Đông Hưng;*
- *Công an H.Đông Hưng;*
- *UBND xã Đông Cường;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.*

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Kiên Trung